

Để có thêm tài liệu về Chương Trình Giáo Dục Gia Đình của CHS, vui lòng gọi số (714) 712-7888. Để biết thêm thông tin về Các Chương Trình Học Tập và Giáo Dục Sớm của CHS, gọi (888) CHS-4KIDS.

Tài liệu và podcast về Chương Trình Giáo Dục Gia Đình, cũng như thông tin về các chương trình của CHS cũng có trên trang web của chúng tôi tại địa chỉ www.chs-ca.org.



Trụ sở Công ty
1300 West Fourth Street
Los Angeles, CA 90017
(213) 240-5900
(213) 240-5945 Fax

KHI NÀO TRẺ QUÁ ỐM KHÔNG THỂ ĐI NHÀ TRẺ?

NHƯ THẾ NÀO LÀ QUÁ ỐM? NHẬN BIẾT DẤU HIỆU



Việc quyết định khi nào cho trẻ ốm nghỉ đi nhà trẻ có thể khá khó khăn. Những câu hỏi sau có thể giúp bạn đưa ra quyết định: Trẻ có thể thoải mái tham gia các hoạt động bình thường của chương trình hay không? Việc trẻ ốm có đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn mức người trông trẻ có thể đáp ứng hay không? Trẻ ốm có ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn của trẻ khác hay không? Hãy nhớ rằng nếu trẻ ốm được ở nhà, mọi người sẽ khỏe mạnh hơn.



Kiểm tra Sức khỏe Hàng ngày

Nếu trẻ có những triệu chứng sau và sốt với nhiệt độ đo ở miệng là 100 (độ F) hoặc cao hơn, trẻ nên nghỉ, không đi nhà trẻ:

- Đốm, ban hoặc vết bầm bất thường không liên quan đến tổn thương
- Nước tiểu đậm màu, màu trà
- Phân màu trắng hoặc xám
- Đau họng hoặc khó nuốt
- Có các vùng da bị nhiễm trùng
- Tiêu chảy
- Đau đầu và cứng cổ
- Nôn ói
- Khó thở
- Hành vi bất thường - trẻ cáu bẳn; không thoải mái hoặc có vẻ không khỏe; trẻ khóc nhiều hơn bình thường
- Trẻ không đủ khỏe để tham gia các hoạt động bình thường của chương trình
- Mất cảm giác thèm ăn
- Đau tai

Danh sách trên chưa phải là toàn bộ, và bạn nên tham khảo ý kiến bác sĩ, đặc biệt nếu triệu chứng tiếp diễn hoặc xấu đi. Bác sĩ cũng có thể kê đơn cách chăm sóc đúng cho bệnh của trẻ. Người cung cấp dịch vụ trông trẻ được khuyến khích tuân thủ chính sách riêng của chương trình của họ. Nếu con em bạn bị ốm và bạn không chắc có nên đưa trẻ tới nhà trẻ, hãy tham vấn người trông trẻ để hiểu chính sách của họ.

Việc cha mẹ quen thuộc với chính sách của chủ lao động của họ về thời gian nghỉ và chuẩn bị kế hoạch dự phòng các lựa chọn trông trẻ khác cho những ngày bất ngờ đó là điều hữu ích.

ĐỂ TÌM HIỂU THÊM

SÁCH CHO TRẺ EM GOING TO THE DOCTOR

Anne Civardi, illustrated by Stephen Cartwright

WHEN YOUR ELEPHANT HAS THE SNIFFLES

Susanna Leonard Hill, minh họa Daniel Wisemen

DRAGONS GET COLDS TOO

Rebecca Roan, minh họa Charles Santoso

SÁCH CHO NGƯỜI LỚN

TAKING CARE OF YOUR CHILD, NINTH EDITION: A PARENT'S ILLUSTRATED GUIDE TO COMPLETE MEDICAL CARE

Robert H. Pantell, M.D., James F. Fries, M.D., & Donald M. Vickery, M.D.

CARING FOR YOUR BABY AND YOUNG CHILD, 7TH EDITION: BIRTH TO AGE 5

American Academy of Pediatrics/Tanya Altman, M.D., F.A.A.P., & David L. Hill, M.D., F.A.A.P.

CÁC TỔ CHỨC

CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

(800) 232-4636 or www.cdc.gov

NATIONAL RESOURCE CENTER FOR HEALTH AND SAFETY IN CHILD CARE AND EARLY EDUCATION (888) 227-5125 OR [HTTPS://NRCKIDS.ORG](https://nrckids.org)

★ CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG Ở TRẺ

THỦY ĐẬU

Sốt, mệt mỏi, biếng ăn, đau đầu, và/hoặc ban lan rộng khắp cơ thể và trở thành các vết rộp đầy nước và ngứa

CẢM LẠNH THÔNG THƯỜNG

Mũi nghẹt hoặc chảy nước, hắt hơi, chảy nước mắt, đau họng, ho, đau cơ, đau đầu, nôn ói, tiêu chảy, và hoặc biếng ăn

VIÊM KẾT MẠC (đau mắt đỏ)

Lòng trắng mắt màu hồng hoặc đỏ, mắt và/hoặc mí sưng, tiết dịch (mủ hoặc chất nhầy), kết vảy, ngứa, khó chịu, và/hoặc cay mắt chảy nước

HO

TIÊU CHẢY

Thường xuyên đi phân mềm hoặc lỏng, đầy hơi, nôn ói, sốt và/hoặc đau quặn bụng

CÚM (cúm)

Sốt, ớn lạnh, ho, đau họng, mũi nghẹt hoặc chảy nước, đau toàn thân hoặc đau cơ, đau đầu, mệt mỏi, nôn ói và/hoặc tiêu chảy

CHỐC LỖ

Vết đau đỏ hoặc rộp (thường quanh mũi, miệng, tay và/hoặc chân), vết rộp đầy dịch, vết ban rỉ nước, xung quanh là vảy màu vàng hoặc ngả vàng

CHẤY TRÊN TÓC

Ngứa, tổn thương nhỏ ở chân tóc, con chấy nhìn thấy được (rất nhỏ) trên da đầu hoặc trên tóc, trứng chấy nhìn thấy được trên phần tóc gần da đầu

VIÊM MÀNG NÃO

Đau đầu nặng, sốt cao, biếng ăn hoặc uống, chóng mặt, nôn ói, hôn mê, cứng cổ và lưng, và/hoặc nhạy cảm với ánh sáng

VIÊM TAI GIỮA (nhiễm trùng tai giữa)

Đau tai, sốt, đau đầu, kéo hoặc xoa tai, đỏ hoặc sưng tai ngoài, khó nghe, mất thăng bằng, tai chảy nước, chán ăn, và hoặc cáu bẳn

GIUN KIM

Khó chịu và ngứa vùng hậu môn, giun trắng nhỏ tại vùng hậu môn

NẤM DA

Trên da: vết tròn đóng vảy màu đỏ hoặc thâm với các mép nhô lên; trên da đầu: da đầu đỏ, đóng vảy, tóc gãy hoặc các mảng tóc rụng

BAN ĐÀO

Sốt cao, nổi ban, khó chịu, tiêu chảy nhẹ, giảm cảm giác thèm ăn, mí mắt sưng

VI-RÚT HỢP BÀO HỒ HẤP (RSV)

Ho, có thể tiến triển thành khò khè, giảm cảm giác thèm ăn, cáu bẳn, chảy nước mũi, ngưng thở ngắt quãng (các quãng dừng khi thở)

GHẺ LỖ

Ngứa dữ dội, ban có vết nổi hoặc rộp màu đỏ, thường thành hàng và gần cổ tay, giữa các ngón tay và chân, và hoặc quanh thắt lưng

VIÊM HỌNG (viêm họng)

Đau họng, sốt, a-mi-đan đỏ và sưng, tuyến nước bọt dưới hàm đau sưng, đau đầu, đau bụng dưới, thể trạng khó chịu, chán ăn, và/hoặc chóng mặt

★ TRIỆU CHỨNG CÓ THỂ CÓ

★ NGUYÊN NHÂN KHẢ ĐĨ

Vi-rút, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với dịch từ tổn thương, dịch tiết họng (nước bọt hoặc khạc nhổ), hoặc hít phải các giọt bắn trong không khí khi người khác ho hoặc hắt hơi

Vi-rút, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với vật nhiễm bẩn hoặc hít phải giọt bắn khi người khác ho hoặc hắt hơi

Dị ứng, vi khuẩn, vi-rút, hoặc chất gây kích ứng

Dị ứng, hen suyễn, vi-rút, hoặc chất gây kích ứng

Vi khuẩn, vi-rút hoặc ký sinh trùng

Vi-rút, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với người bệnh dẫn tới hít phải giọt bắn khi người đó nói chuyện, ho hoặc hắt hơi

Vi khuẩn từ vết thương hở, côn trùng cắn, hoặc vết bỏng, và lây lan qua tiếp xúc trực tiếp da với da với dịch từ tổn thương

Lây lan qua tiếp xúc đầu gần đầu với người bệnh hoặc dùng chung lược, quần áo, chăn gối với họ

Vi-rút gây ra bởi vi khuẩn trong miệng và họng

Vi khuẩn, vi-rút, cảm lạnh thường xuyên, hoặc dị ứng

Ký sinh trùng, lây lan do hít phải hoặc ăn phải trứng cực nhỏ, hoặc qua tay bẩn và bề mặt bẩn như vải trải giường, quần áo, thực phẩm, đồ chơi và hộp cát

Nấm hoặc nhiễm nấm, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp da với da với người hoặc vật bệnh; dùng chung đồ vật có nguồn bệnh như quần áo, chăn gối hoặc khăn tắm

Vi-rút hec-pet ở người loại 6 hoặc 7, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với người bệnh, bao gồm hít phải giọt bắn khi người đó ho hoặc hắt hơi, hoặc dịch tiết họng (nước bọt)

Vi-rút, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với người bệnh, bao gồm hít phải giọt bắn khi người đó ho hoặc hắt hơi, hoặc dịch tiết họng (nước bọt)

Bọ ve (bọ siêu nhỏ), lây lan qua tiếp xúc trực tiếp da với da với người hoặc vật bệnh; dùng chung đồ vật có nguồn bệnh như quần áo, chăn gối hoặc khăn tắm

Vi khuẩn, lây lan qua tiếp xúc trực tiếp với người bệnh, bao gồm hít phải giọt bắn khi người đó ho hoặc hắt hơi, hoặc tiếp xúc trực tiếp với dịch từ tổn thương